

Bài học cho học sinh F0, F1 Lớp 9/16 ghi vào vở học

Tuần 5 (28/02 -> 05/03)

Tiết 102:

Tiếng Việt:

KHỞI NGỮ

I/ ĐẶC ĐIỂM VÀ CÔNG DỤNG CỦA KHỞI NGỮ TRONG CÂU:

1. Tìm hiểu ví dụ: (SGK/8)

VD	Từ in đậm	CN
a	(còn) anh	- anh
b	Giàu	- tôi
c	các thẻ văn trong lĩnh vực văn nghệ	- chúng ta

2. Nhận xét:

- Các từ ngữ in đậm đứng trước chủ ngữ, không có kết cấu C-V với vị ngữ.
 - Các từ ngữ in đậm nêu lên đề tài được nói đến trong câu.
 - Trước các từ ngữ in đậm có thể thêm các từ: “*về*”, “*đối với*”, “*còn*”...
- => Các từ ngữ in đậm đó là thành phần **khởi ngữ** của câu

* Ghi nhớ:

(SGK/8).

* Lưu ý:

Cần phân biệt khởi ngữ với chủ ngữ.

<u>KHỞI NGỮ</u>	<u>CHỦ NGỮ</u>
- Không có quan hệ hệ C – V với vị ngữ	- Có quan hệ C – V với vị ngữ
- Nêu lên đề tài được nói đến trong câu.	- Nêu chủ thể của hành động, trạng thái được nói ở vị ngữ.

II/ LUYỆN TẬP:

HS tự làm Bài tập trong SGK

Tiết 103:

Tiếng Việt:

CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP

I/ THÀNH PHẦN TÌNH THÁI:

1. Tìm hiểu ví dụ:

SGK/18

-> Các từ ngữ in đậm “**chắc**”; “**có lẽ**” thể hiện nhận định của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu, “**chắc**” thể hiện độ tin cậy cao; “**có lẽ**” thể hiện độ tin cậy thấp.

Nếu không có các từ ngữ in đậm ấy thì nghĩa của câu vẫn không thay đổi, vì các từ ngữ ấy không tham gia diễn đạt nghĩa sự việc của câu.

=> Là thành phần tình thái của câu.

2. Ghi nhớ 1:

SGK/18

II/ THÀNH PHẦN CẢM THÁN:

1. Tìm hiểu ví dụ:

SGK/18

-> Các từ ngữ in đậm “*ồ*”, “*trời ơi*” không tham gia làm nòng cốt câu, không chỉ sự vật, sự việc, mà chỉ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của người nói.

+ *Trời ơi*: thái độ tiếc rẻ của người nói (anh thanh niên)

+ *Ồ*: tâm trạng ngạc nhiên, vui sướng khi nghĩ đến khoảng thời gian đã qua.

Các từ in đậm “*ồ*”, “*trời ơi*” có thể tách ra (gọi là câu cảm thán).

=> Là thành phần tình thái của câu: không tham gia vào diễn đạt nghĩa, sự việc của câu. Dùng để bộc lộ tâm lý của người nói (tình cảm, cảm xúc).

2. Ghi nhớ 2:

SGK/18

III/ THÀNH PHẦN GỌI – ĐÁP:

1. Tìm hiểu ví dụ:

SGK/31

- Từ “*này*” dùng để gọi; từ “*thưa ông*” dùng để đáp.

- Các từ ngữ này không th/gia diễn đạt nghĩa sự việc trong câu.

- Trong các từ ngữ đó, từ “*này*” dùng để tạo lập cuộc thoại, từ “*thưa ông*” dùng để duy trì cuộc thoại đang diễn ra.

=> Là thành phần gọi- đáp của câu.

2. Ghi nhớ ý 1:

SGK/32

IV/ THÀNH PHẦN PHỤ CHÚ:

1. Tìm hiểu ví dụ:

SGK/31,32

- Nếu lược bỏ các từ ngữ in đậm thì nghĩa sự việc của mỗi câu vẫn không thay đổi vì các từ ngữ đó không tham gia diễn đạt nghĩa sự việc trong câu.

- Trong câu (a), từ ngữ in đậm chú thích cho cụm từ “*đứa con gái đầu lòng của anh*”.

- Trong câu (b), cụm chủ- vị in đậm chú thích cho những suy nghĩ, nhận xét của nhân vật xưng “*tôi*”

- Các từ ngữ này tách biệt với TP chính nhờ dấu (-), (;)

=> Là thành phần phụ chú của câu.

2. Ghi nhớ ý 2:

SGK/32

III/ LUYỆN TẬP:

HS tự làm Bài tập trong SGK

Tiết 104:

Tập làm văn

LIÊN KẾT CÂU VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN

I/ Khái niệm liên kết:

1. Ví dụ:

SGK/42,43

a. Đoạn văn bàn về việc sáng tạo nghệ thuật của công việc của người nghệ sĩ (văn nghệ gắn với CS).

b. Đoạn văn có 3 câu:

Câu 1: Tác phẩm nghệ thuật mượn “vật liệu” ở thực tại.

Câu 2: Người nghệ sĩ phải sáng tạo mới mẻ.

Câu 3: Họ gửi gắm tâm hồn vào tác phẩm ...

(Đây là trình tự hợp lí tạo nên đoạn văn).

c. Sử dụng trường liên tưởng (câu 2) phép thế (câu 3).

=>**Liên kết trong đoạn văn.**

- Về nội dung (ý, nội dung, chủ đề, trình tự).

- Về hình thức (sử dụng các phép lặp, thế ..)

2. Ghi nhớ:

SGK/43

II/ Luyện tập:

Bài tập 1: (SGK, trang 50)

Các biện pháp liên kết câu và đoạn văn.

a. Phép lặp và trường liên tưởng (nhà trường, thầy giáo).

b. Phép lặp (sự sống).

c. Phép nối (đó là: Bởi vì, và ..)

Bài tập 2:

- Sử dụng phép nối (trong khi đó).
- Các cặp từ trái nghĩa mà vẫn tạo sự liên kết chặt chẽ: Vô hình, giá lạnh, hữu tình, nóng nảy.

Bài tập 3:

Lỗi liên kết nội dung và cách sửa.

- Không theo trình tự sự việc (lỗi lôgic)
- Không theo trình tự sự việc (lỗi lôgic).

Sửa câu 3-> câu 1->câu 2.

(Theo phép liên tưởng nói)

Bài tập 4:

Lỗi liên kết hình thức và cách sửa.

- Răng nhọn-> chui sâu-lấy nọc (chống lại, tìm cách bắt)
- Văn phòng-hội trường.

Bài tập 5:

Đọc đoạn trích sau:

Tiếng rú thét lên một tiếng. chỉ một tiếng thôi, những tiếng thét của anh bỗng vang vọng thành những tiếng thét dữ dội hơn.

(Nguyễn Trung Thành “Rừng xà nu”

- Phương tiện liên kết từ vựng trong các câu từ.

* Dùng từ đồng nghĩa, liên tưởng.

* Phép lặp.

* Phép thế

Tiết 105 + 106::

Văn bản

MÙA XUÂN NHỎ NHỎ

-Thanh Hải-

I/ ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG:

1. Tác giả:

- Thanh Hải (1930-1980) tên khai sinh là Phạm Bá Ngoãn, quê ở Thừa Thiên-Huế.

- Ông là một trong những cây bút có công xây dựng nền văn học cách mạng Miền Nam từ những ngày đầu.

2. Tác phẩm:

- Bài thơ được viết năm 1980, trong những ngày cuối đời của tác giả.

- Bố cục: 3 phần

II/ TÌM HIỂU VĂN BẢN:

1. Cảm xúc của tác giả trước mùa xuân của thiên nhiên, đất trời:

- Cảnh thiên nhiên vào xuân được gợi tả bằng những hình ảnh thân quen: *dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, tiếng hót của chim chiền chiện.*

-> Tạo nên một bức tranh xuân đẹp đẽ, tươi thắm, tràn đầy sức sống.

- T/giả say sưa, ngây ngất đón nhận vẻ đẹp của thiên nhiên:

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng

-> Tác giả đón nhận cảnh thiên nhiên mùa xuân bằng nhiều giác quan: thị giác, thính giác, xúc giác

=> T/g hòa nhập với thiên nhiên bằng tất cả tâm hồn và sự nâng niu, trân trọng.

2. Cảm xúc của tác giả trước mùa xuân của đất nước:

- *Mùa xuân người cầm súng*

Lộc dắt đầy trên lưng.

Mùa xuân người ra đồng

Lộc trải dài nương mạ.

(điệp ngữ; h/ảnh đối xứng sóng đôi)

-> Mùa xuân của đất nước gắn liền với lực lượng chiến đấu (*người cầm súng*) và lực lượng người lao động (*người ra đồng*). Mùa xuân của đất nước đã mang lộc non đến cho họ và chính họ lại đem sức sống mùa xuân đến khắp mọi nơi trên đất nước.

- *Tất cả như hối hả*

Tất cả như xô xao

(Điệp ngữ, nhịp thơ nhanh, mạnh)

-> Nhịp sống nhộn nhịp, vui vẻ, h/p

- *Đất nước bốn nghìn năm*

Vất vả và gian lao.

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước.

(Điệp ngữ, so sánh)

-> Vẻ đẹp lung linh ngời sáng và sức sống bất diệt của đất nước suốt bốn nghìn năm.

=> **Thể hiện sự tự hào và niềm tin yêu tha thiết và gắn bó của tác giả đối với đất nước và con người Việt Nam.**

3. Tâm niệm của tác giả:

- *Ta làm con chim hót.*

Ta làm một cành hoa.

Ta nhập vào hòa ca.

Một nốt trầm xao xuyến.

(h/a bình dị, nhỏ bé + điệp ngữ tạo nên âm điệu thiết tha, sâu lắng, chân thành)

-> Thể hiện khát vọng được hòa nhập, được cống hiến của tác giả cho đất nước, cho cuộc đời chung.

- Nhà thơ tự nguyện dâng hiến cả đời mình cho đất nước:

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc

- Sự cống hiến và hòa nhập của tác giả được thực hiện ngay trên quê hương xứ Huế của mình :

Mùa xuân ta xin hát.

Câu Nam ai, Nam bình.

Nước non ngàn dặm mình.

Nước non ngàn dặm tình.

Nhịp phách tiền đất Huế.

=> Nhan đề bài thơ là hình ảnh sáng tạo mới mẻ, thể hiện ý nguyện của nhà thơ: Ông nguyện làm một mùa xuân, nghĩa là sống đẹp, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình, nhưng lại rất khiêm nhường là một mùa xuân nhỏ góp vào mùa xuân lớn của đất nước, của cuộc đời chung -> Một quan niệm sống đẹp đẽ, đáng quý.

III/ TỔNG KẾT:

1. Nghệ thuật:

- Thể thơ năm tiếng gần với các điệu dân ca tạo nhạc điệu, âm hưởng nhẹ nhàng, tha thiết, trong sáng.

- Sử dụng cách gieo vần liền giữa các khổ thơ tạo cảm xúc liền mạch.
- Kết hợp những h/ảnh tự nhiên, giản dị từ thiên nhiên với những h/ảnh giàu ý nghĩa biểu trưng, khái quát
- Nghệ thuật điệp ngữ, so sánh, ẩn dụ sáng tạo, gợi cảm.

2. Nội dung:

Bài thơ là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời; thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước, góp một “*mùa xuân nho nhỏ*” của mình vào mùa xuân lớn của đất nước.